| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƠN THÀNH**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST<br>Ngày: 17/6/2022<br>V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Đức Hoài

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Chiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

*Bị đơn*: Ông Lâm T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Lâm T chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hòa thuận, vợ chồng lo chí thú làm ăn. Từ năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình nhiều lần góp ý nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Điểu T, sinh ngày 20/8/2001, Điểu N sinh ngày 24/01/2009. Hiện cháu T đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng. Đối với cháu N đang sống cùng bà H, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng bà H đã có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm T đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không* lý *do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T được.*

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Thị H xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đã chấp hành đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy:

Bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bà Thị H được ly hôn với ông Lâm T.

Về con chung: Bà H có nguyện vọng nuôi con chung, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà H. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung Điểu N. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao con chung tên Điểu N cho bà H trực tiếp

nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do bà H có ý kiến rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Lâm T có nơi cư trú tại ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tung: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lâm T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Thị H và ông Lâm T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng từ năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình nhiều lần góp ý nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mở phiên họp và hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho bà H, ông T nhưng ông T vắng mặt không lý do còn bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa bà H và ông T chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H cho bà H được ly hôn với ông T.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 02 con chung tên Điểu T, sinh ngày 20/8/2001, Điểu N sinh ngày 24/01/2009. Hiện cháu T đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng. Đối với cháu N bà H yêu cầu được nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà H có nguyện vọng nuôi con chung chưa thành niên, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà H. Mặt khác cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H giao con chung Điểu N sinh ngày 24/01/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nhiên rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần cấp dưỡng nuôi con và không xem xét giải quyết.

[4.5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà Thị H phải chịu là 300.000đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Thị H được ly hôn với ông Lâm T

2. Về con chung: Giao con chung Điểu N sinh ngày 24/01/2009 cho bà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thị H về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011734 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ung Thị Ngọc Thanh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Xuân Thiều** **Nguyễn Việt Thành** **Ung Thị Ngọc Thanh**